

Số: 1166-2/QĐ-ĐHLN-ĐT

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển đại học, liên thông trình độ đại học hình thức đào tạo vừa làm vừa học tại Phân hiệu Đồng Nai

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số 5420/QĐ-BNN-TCCB ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg, ngày 31/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy chế tuyển sinh đại học; Tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1170/QĐ-ĐHLN-ĐT, ngày 28/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc tuyển sinh đào tạo liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 26/4/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành Quy định liên kết đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Biên bản số 1165-1/BB-ĐHLN-ĐT, ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc xét tuyển sinh đào tạo đại học và liên thông trình độ đại học hình thức đào tạo vừa làm vừa học, đợt tháng 6 năm 2021.

Xét đề nghị của Ủy viên Thường trực HĐTS –Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 89 sinh viên trúng tuyển đại học, liên thông trình độ đại học hình thức đào tạo vừa làm vừa học, (Có danh sách kèm theo).

TT	Ngành xét tuyển	Tốt nghiệp THPT	Tốt nghiệp trung cấp	Tốt nghiệp cao đẳng	Tốt nghiệp đại học	Tổng công
1	Ngành Quản lý tài nguyên rừng	06	38	12	-	56
2	Ngành Quản lý đất đai	-	05	03	09	17
3	Ngành Thú y	-	13	-	-	13
4	Ngành Kế toán	-	01	-	02	03
	Cộng	06	47	15	11	89

Sinh viên trúng tuyển nhập học vào: Tháng 7/2021.

Điều 2. Quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng các đơn vị trong trường có liên quan và sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Phó Hiệu trưởng (để b/c);
- Phân hiệu Đồng Nai;
- Lưu: VT, ĐT.

CHỦ TỊCH HĐQTS

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Trần Văn Chứ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH 2021

DÁCH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC

LIÊN THÔNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC ĐỢT THÁNG 6 NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 1166-2/ĐHLN-ĐT, ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch HĐTS- Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp)

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Hộ khẩu	KV	ĐT	Tốt nghiệp TC/CD		Phương thức xét tuyển		
						Ngành đào tạo	Hệ	Điểm TBC TC/CD/THPT	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
I. Thí sinh tốt nghiệp trung cấp										
I.1. Ngành Quản lý tài nguyên rừng: 38 thí sinh										
1	Trần Văn An	03/06/1985	Tuy Phong, Bình Thuận	0	2NT	Kiểm lâm	VLVH	6,80	0,5	7,30
2	Trần Văn Chuẩn	12/11/1977	Vĩnh Cửu, Đồng Nai	0	1	Kiểm lâm	VLVH	6,00	0,75	6,75
3	Phùng Văn Cường	09/04/1991	Đắk Song, Đắk Nông	0	1	Kiểm lâm	CQ	6,50	0,75	7,25
4	Nguyễn Văn Cường	10/07/1992	Vĩnh Cửu, Đồng Nai	0	1	Kiểm lâm	CQ	6,10	0,75	6,85
5	Lê Đức Diễn	02/02/1983	Bắc Bình, Bình Thuận	0	1	Kiểm lâm	CQ	6,80	0,75	7,55
6	Nguyễn Văn Diễn	16/12/1985	Vĩnh Cửu, Đồng Nai	0	1	Kiểm lâm	CQ	6,00	0,75	6,75
7	Trần Quốc Đạt	10/10/1970	Vĩnh Cửu, Đồng Nai	0	1	Kiểm lâm	VLVH	7,10	0,75	7,85
8	Trần Văn Giang	10/08/1978	Vĩnh Cửu, Đồng Nai	0	1	Kiểm lâm	VLVH	7,10	0,75	7,85
9	Đình Thanh Hải	03/01/1995	Bố Trạch, Quảng Bình	0	2NT	Lâm nghiệp	CQ	7,60	0,5	8,10
10	Nguyễn Văn Hậu	03/05/1987	Hàm Thuận Nam, Bình Thuận	0	1	Kiểm lâm	CQ	5,90	0,75	6,65
11	Phan Huy Hoàng	10/08/1978	Vĩnh Cửu, Đồng Nai	0	1	Kiểm lâm	VLVH	7,50	0,75	8,25
12	Thái Ngọc Hùng	02/01/1989	Vĩnh Cửu, Đồng Nai	0	1	Kiểm lâm	CQ	6,20	0,75	6,95
13	Phan Minh Huy	02/03/1997	Vĩnh Cửu, Đồng Nai	0	1	Thú y	CQ	6,20	0,75	6,95
14	Thịnh Thanh Huyền	22/02/1985	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	2NT	Kiểm lâm	CQ	6,20	0,5	6,70
15	Võ Duy Khang	02/11/1997	Thuận An, Bình Dương	0	2	Y sĩ	CQ	6,20	0,25	6,45
16	Đặng Duy Long	20/11/1985	Tuy Phong, Bình Thuận	0	1	Lâm sinh	CQ	5,50	0,75	6,25
17	Nguyễn Văn Luận	10/06/1991	Bắc Bình, Bình Thuận	0	1	Kiểm lâm	VLVH	6,60	0,75	7,35
18	Nguyễn Hữu Luật	20/06/1983	Bắc Bình, Bình Thuận	01	1	Kiểm lâm	CQ	5,70	0,75	6,45
19	Phạm Xuân Ngọc	08/02/1973	Vĩnh Cửu, Đồng Nai	0	1	Kiểm lâm	VLVH	7,70	0,75	8,45
20	Phạm Văn Nông	31/01/1971	TP. Biên Hòa, Đồng Nai	0	2	Kiểm lâm	VLVH	5,50	0,25	5,75
21	Nguyễn Hải Phong	10/07/1983	Cam Lộ Quảng Trị	0	2NT	Lâm sinh	CQ	6,80	0,5	7,30

22	Phạm Minh Phương	08/07/1993	Vĩnh Cửu, Đồng Nai	0	1	Thú y	CQ	7,10	0,75	7,85
23	Nguyễn Minh Quân	11/12/1985	Định Quán, Đồng Nai	0	1	Kiểm lâm	CQ	6,00	0,75	6,75
24	Lê Việt Quốc	14/10/1981	Tuy Phong Bình Thuận	0	2NT	Lâm sinh	CQ	5,90	0,5	6,40
25	Đinh Xuân Quỳnh	18/12/1992	Tuyên Hóa, Quảng Bình	0	1	Kiểm lâm	CQ	7,20	0,75	7,95
26	Lê Quốc Sánh	10/03/1988	Vĩnh Cửu, Đồng Nai	0	1	Kiểm lâm	CQ	5,70	0,75	6,45
27	Võ Thị Thanh	20/06/1986	M'Đrắk, Đắk Lắk	0	1	Du lịch	CQ	5,00	0,75	5,75
28	Võ Văn Thành	20/09/1969	Vĩnh Cửu, Đồng Nai	0	1	Kiểm lâm	VLVH	6,20	0,75	6,95
29	Phạm Đức Toàn	15/11/1985	Tân Phú, Đồng Nai	0	1	Kiểm lâm	CQ	5,70	0,75	6,45
30	Lê Đình Trung	02/12/1979	Bắc Bình, Bình Thuận	0	1	Trồng trọt - Bảo vệ thực vật	TC	6,00	0,75	6,75
31	Nguyễn Vĩnh Trường	16/09/1986	Định Quán, Đồng Nai	0	1	Kiểm lâm	CQ	6,60	0,75	7,35
32	Trần Công Trường	10/08/1976	Vĩnh Cửu, Đồng Nai	0	1	Kiểm lâm	VLVH	7,60	0,75	8,35
33	Nguyễn Duy Tuấn	27/01/1983	Phan Thiết, Bình Thuận	0	2	Kiểm lâm	CQ	5,50	0,25	5,75
34	Nguyễn Văn Tuấn	15/10/1974	Vĩnh Cửu, Đồng Nai	0	1	Kiểm lâm	VLVH	7,20	0,75	7,95
35	Lê Quốc Tuấn	18/05/1977	Tam Bình, Vĩnh Long	0	1	Kiểm lâm	VLVH	7,60	0,75	8,35
36	Nguyễn Khánh Tùng	04/09/1975	Dĩ An, Bình Dương	0	2	Kiểm lâm	VLVH	6	0,25	6,25
37	Triệu Văn Vinh	14/04/1997	Đắk Mil, Đắk Nông	01	1	Kiểm lâm	VLVH	7,40	0,75	8,15
38	Trịnh Xuân Vinh	29/04/1974	Vĩnh Cửu, Đồng Nai	0	1	Lâm sinh	CQ	7,43	0,75	8,18
I.2. Ngành Quản lý đất đai: 05 thí sinh										
39	Nguyễn Trương Tiến Đạt	10/01/1993	Krông Búk, Đắk Lắk	0	1	Quản lý đất đai	CQ	7,9	0,75	8,65
40	Đinh Thị Thúy Hằng	22/03/1983	Ea Súp, Đắk Lắk	0	1	Sư phạm mầm non	CQ	7,5	0,75	8,25
41	H Trang Hwing	27/04/1994	M'Đrắk, Đắk Lắk	01	1	Sư phạm tiểu học	VLVH	7,4	0,75	8,15
42	Y Gim Buôn Krông	02/09/1974	Krông Ana, Đắk Lắk	01	1	Quản lý đất đai	TC	5,0	0,75	5,75
43	Nguyễn Đình Tuấn	01/09/1990	Krông Nô, Đắk Lắk	0	1	Quản lý đất đai	CQ	6,0	0,75	6,75
I.3. Ngành Thú y: 13 thí sinh										
44	Nguyễn Văn Dũng	17/07/1996	Bù Đăng, Bình Phước	0	1	Thú y	CQ	7,4	0,75	8,15
45	Mai Vũ Hào	01/01/1995	TP. Cà Mau, Cà Mau	0	2	Thú y	CQ	7,7	0,25	7,95
46	Phạm Lê Trung Hiếu	01/06/1994	Chơn Thành, Bình Phước	0	2NT	Thú y	CQ	6,1	0,5	6,60
47	Nguyễn Chí Hiếu	12/11/2000	Cẩm Mỹ, Đồng Nai	0	1	Thú y	CQ	7,9	0,75	8,65
48	Nguyễn Thị Hoa	06/08/1996	TP. Đồng Xoài, Bình Phước	0	1	Thú y	CQ	8,3	0,75	9,05

49	Lê Đình Hùng	06/02/1992	TP. Đồng Xoài, Bình Phước	0	1	Thú y	CQ	7,0	0,75	7,75
50	Đình Hữu Hưng	14/03/1990	Kim Bảng, Hà Nam	0	2NT	Thú y	CQ	8,6	0,5	9,10
51	Hoàng Văn Luân	10/11/1990	Phú Riềng, Bình Phước	0	1	Thú y	CQ	6,6	0,75	7,35
52	Thái Văn Nghi	13/08/1985	TP. Đồng Xoài, Bình Phước	0	1	Thú y	CQ	7,2	0,75	7,95
53	Nguyễn Đình Thi	05/07/1970	TP. Đồng Xoài, Bình Phước	0	1	Chăn nuôi thú y	CQ	7,4	0,75	8,15
54	Đặng Thị Thanh Thủy	06/06/1998	Bình Long, Bình Phước	0	1	Thú y	CQ	8,3	0,75	9,05
55	Lê Anh Tú	13/06/1990	Như Thanh, Thanh Hóa	0	1	Thú y	CQ	7,2	0,75	7,95
56	Lương Trung Tuất	25/08/1994	Bù Đăng, Bình Phước	01	1	Thú y	CQ	8,1	0,75	8,85
I.4. Ngành Kế toán: 01 thí sinh										
57	Lê Quang Nội	25/04/1984	Bảo Lâm, Lâm Đồng	0	1	Nông học	CQ	6,5	0,75	7,25
II. Thí sinh tốt nghiệp cao đẳng										
II.1. Ngành Quản lý tài nguyên rừng: 12 thí sinh										
58	Thái Văn Đạt	24/09/1998	Đô Lương, Nghệ An	0	2NT	Quản lý tài nguyên rừng	CQ	6,12	0,5	6,62
59	Nguyễn Quang Đê	07/10/1990	Định Quán, Đồng Nai	0	1	Quản lý tài nguyên rừng	CQ	6,32	0,75	7,07
60	Huỳnh Anh Minh	16/06/1990	Vĩnh Cửu, Đồng Nai	0	1	Tin học ứng dụng	CQ	6,57	0,75	7,32
61	Nguyễn Trọng Nhân	05/01/1991	Thanh Chương, Nghệ An	01	1	Lâm nghiệp	CQ	6,7	0,75	7,45
62	Hoàng Văn Phương	25/02/1986	Tuyên Hóa, Quảng Bình	0	1	Lâm nghiệp	VLVH	7,86	0,75	8,61
63	Cù Hải Quân	05/08/1987	Vĩnh Cửu, Đồng Nai	0	1	Lâm nghiệp	CQ	6,7	0,75	7,45
64	Võ Minh Thắng	20/03/1993	Tuy Phong, Bình Thuận	0	2NT	Hành chính văn phòng	CQ	7,4	0,5	7,90
65	Vũ Thị Mai Thi	19/11/1990	Vĩnh Cửu, Đồng Nai	0	1	Hướng dẫn viên du lịch	CQ	7,01	0,75	7,76
66	Nguyễn Anh Thương	01/01/1999	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	1	Kiểm lâm	CQ	6,93	0,75	7,68
67	Nguyễn Thị Thủy	02/02/1987	Nam Đàn, Nghệ An	0	2NT	Hướng dẫn viên du lịch	CQ	7,43	0,5	7,93
68	Bùi Thị Thùy Trang	25/10/1990	Vĩnh Cửu, Đồng Nai	0	1	Quản lý đất đai	CQ	6,36	0,75	7,11
69	Hoàng Nguyên Tuyến	15/02/1995	Đắk Mil, Đắk Nông	0	1	Quản lý tài nguyên rừng	CQ	6	0,75	6,75
II.2. Ngành Quản lý đất đai: 03 thí sinh										
70	Nguyễn Thị Diệu Hiền	25/05/1994	Ninh Hải, Ninh Thuận	0	2NT	Quản lý đất đai	CQ	6,69	0,5	7,19
71	Y Kring Rơ Lưk	15/10/1997	Krông Nô, Đắk Lắk	01	1	Quản lý đất đai	CQ	7,01	0,75	7,76
72	Nguyễn Đình Nam	15/08/1990	Đắk Mil, Đắk Nông	0	1	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	CQ	5,78	0,75	6,53
III. Thí sinh tốt nghiệp đại học										

III.1. Ngành Quản lý đất đai: 09 thí sinh										
73	Ngô Văn Chiêu	20/09/1983	Ea H'leo, Đắk Lắk	0	1	Luật kinh tế	VLVH	7,3	0,75	8,05
74	Nguyễn Trí Đức	22/10/1995	Krông Pa, Gia Lai	0	1	KTXD công trình giao thông	CQ	6,4	0,75	7,15
75	Sao Y Me	28/05/1977	Buôn Đôn, Đắk Lắk	01	1	Kinh tế nông lâm	CQ	6,19	0,75	6,94
76	Hoàng Trung Minh	06/10/1992	Tuy Đức, Đắk Nông	0	1	Công nghệ thông tin	CQ	6,48	0,75	7,23
77	Trần Trọng Nghĩa	13/08/1991	Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	0	1	Kế toán	CQ	6,32	0,75	7,07
78	Phùng Văn Thanh	18/08/1974	M'Đrăk, Đắk Lắk	0	1	Kinh tế nông lâm	VLVH	6,82	0,75	7,57
79	Bùi Xuân Thành	10/02/1989	Đam Rông, Lâm Đồng	0	1	Lâm Nghiệp	CQ	6,2	0,75	6,95
80	Phạm Ngọc Tiến	15/07/1980	Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	0	1	Kỹ thuật công trình xây dựng	VLVH	7,8	0,75	8,55
81	Nguyễn Việt Trinh	08/04/1990	Ba Đồn, Quảng Bình	0	2	Kế toán	CQ	8,75	0,25	9,00
III.2. Ngành Kế toán: 02 thí sinh										
82	Nguyễn Thị Thu Hòa	17/05/1992	TP Phan Thiết, Bình Thuận	0	2	Kế toán	CQ	6,9	0,25	7,15
83	Cao Thị Tuyết Nhung	01/01/1996	Gia Nghĩa, Đắk Nông	0	1	Bảo hiểm	CQ	6,94	0,75	7,69
IV. Thí sinh tốt nghiệp THPT										
IV.1. Ngành Quản lý tài nguyên rừng: 06 thí sinh										
84	Dương Thái An	03/01/1981	Tuy Phong, Bình Thuận	0	2NT		THPT	5,5	0,5	6,00
85	Huỳnh Anh Hào	23/10/1999	Bắc Bình, Bình Thuận	01	1		THPT	6,3	0,75	7,05
86	Ngô Minh Lợi	21/07/1996	Bắc Bình, Bình Thuận	0	1		THPT	5,4	0,5	5,90
87	Huỳnh Thúc Sang	19/03/1988	Tuy Phong, Bình Thuận	0	2NT		THPT	5,3	0,75	6,05
88	Đào Văn Thanh	20/02/1989	Bắc Bình, Bình Thuận	0	1		THPT	6,4	0,75	7,15
89	Lư Minh Tròn	13/03/1998	Bắc Bình, Bình Thuận	01	1		THPT	5,8	0,75	6,55

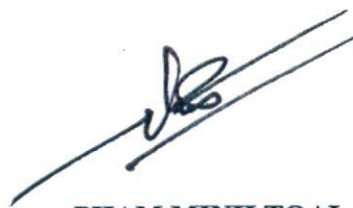
Tổng số có tên trong danh sách trúng tuyển là: 89 người

CHỦ TỊCH HĐTS-HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. TRẦN VĂN CHÚ

ỦY VIÊN TTHĐTS-TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO



PHẠM MINH TOẠI

NGƯỜI LẬP



NGUYỄN VĂN HUYỀN